

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 31

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Tạ Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Yến	Trưởng Ủy ban Kiểm toán
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
Ông Phan Anh Sơn	Thành Viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 23 tháng 6 năm 2022 là Ông Nguyễn Việt Sơn. Từ ngày 23 tháng 6 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là bà Tạ Thị Thu Hằng, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính chín tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 10 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		925.012.847.929	829.668.264.027
110	I. Tiền	4	17.117.340.800	26.762.449.820
111	1. Tiền		17.117.340.800	26.762.449.820
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		518.217.757.450	656.767.757.450
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	518.217.757.450	656.767.757.450
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		389.677.749.679	146.138.056.757
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	11.731.311.266	115.500.865.122
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		229.156.533	63.275.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	67.900.000.000	30.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	310.192.718.127	573.916.635
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(375.436.247)	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		339.281.934.231	335.553.894.002
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn	9	339.145.094.178	335.388.945.805
251	1. Đầu tư vào công ty con		309.316.445.805	300.888.945.805
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.500.000.000	34.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.671.351.627)	-
260	II. Tài sản dài hạn khác		136.840.053	164.948.197
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		136.840.053	164.948.197
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.264.294.782.160	1.165.222.158.029

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		573.521.490.853	573.868.394.765
310	I. Nợ ngắn hạn		82.721.490.853	573.868.394.765
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		538.398.748	507.171.627
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	464.151.651	418.603.603
314	3. Phải trả người lao động		21.428.114	37.170.797
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	2.164.430.856	21.896.208.219
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	79.533.081.484	60.209.240.519
320	6. Vay ngắn hạn	13	-	490.800.000.000
330	II. Nợ dài hạn		490.800.000.000	-
338	1. Vay dài hạn	13	490.800.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		690.773.291.307	591.353.763.264
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	690.773.291.307	591.353.763.264
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		431.880.870.000	345.507.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		431.880.870.000	345.507.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		225.568.103.409	225.568.103.409
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.324.317.898	20.278.289.855
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		3.002.921.355	1.011.231.252
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		30.321.396.543	19.267.058.603
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.264.294.782.160	1.165.222.158.029

Đặng Hữu Danh Tài
Người lập biểu

Phùng Thanh Phương
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.458.345.167
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.458.345.167
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	15	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.458.345.167
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	43.374.276.528	13.404.286.996	164.466.983.157	159.161.626.353
22	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		12.685.774.156 12.335.915.999	8.030.361.644 8.030.361.644	44.195.803.813 38.691.203.671	8.109.582.191 8.109.582.191
25	8. Chi phí bán hàng			-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	963.199.306	157.328.191	3.580.677.120	1.138.103.458
30	10. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		29.725.303.066	5.216.597.161	116.690.502.224	149.913.940.704
31	11. Thu nhập khác			-	6.404.320	-
32	12. Chi phí khác			-	2.010.001	-
40	13. Lợi nhuận khác			-	4.394.319	-
50	14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế		29.725.303.066	5.216.597.161	116.694.896.543	149.913.940.704
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18		(1.636.680.568)	-	(580.031.101)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		29.725.303.066	6.853.277.729	116.694.896.543	149.333.909.603

Đặng Hữu Danh Tài
Người lập biểu

Phùng Thanh Phương
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		116.694.896.543	149.913.940.704
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
03	Các khoản dự phòng		5.046.787.874	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(123.759.983.158)	(136.295.056.027)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	17	39.234.103.671	8.109.582.191
08	(Lãi)/lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.215.804.930	21.728.466.868
09	Tăng các khoản phải thu		(206.061.130.154)	(9.010.873.751)
11	Giảm các khoản phải trả		(73.692.701.697)	(441.062.071.252)
12	Giảm chi phí trả trước		28.108.144	48.736.028
13	Giảm chứng khoán kinh doanh			81.832.242.550
14	Tiền lãi vay đã trả		(58.312.981.034)	(79.220.547)
20	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		(300.822.899.811)	(328.520.972.602)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		138.550.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(67.900.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	44.500.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		28.000.000.000	(89.600.000.000)
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		161.424.121.441	136.989.725.302
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		290.074.121.441	91.889.725.302
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	54.771.512.500
33	Tiền thu từ đi vay		490.800.000.000	191.500.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(490.800.000.000)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		1.103.669.350	(1.919.389.200)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.103.669.350	244.352.123.300
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.645.109.020)	7.720.876.000
60	Tiền đầu kỳ		26.762.449.820	1.959.880.913
70	Tiền cuối kỳ	4	17.117.340.800	9.680.756.913



Đặng Hữu Danh Tài
Người lập biểu



Phùng Thanh Phương
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 29 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có 9 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 8 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99,62%	99,62%	Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	51%	51%	Tầng 24, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One (*)	94,75%	94,39%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt (*)	99,75%	99,27%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
6	Công ty Cổ phần TNTech	99,51%	99,51%	Tầng 21, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ và giải pháp công nghệ thông tin
7	Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	99%	99%	Tầng 26, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ tuyển dụng, cho thuê nhân sự, tư vấn chiến lược nhân sự, đào tạo, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi
8	Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	51%	51%	Tầng 7, tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án các công trình xây dựng
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC (*)	99,75%	99,37%	Lô số 7 Nhà điều hành Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản TN Property Management.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 vào ngày 28 tháng 10 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán giữa niên độ

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 09.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho giai đoạn tài chính hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các giai đoạn sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc đầu tư tài chính, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận trên báo cáo tài chính riêng.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	327.764.960	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng	16.789.575.840	26.424.949.820
TỔNG CỘNG	17.117.340.800	26.762.449.820

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>			
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý (*)</i>	<i>Dư phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dư phòng</i>	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	518.217.757.450	619.031.549.450	-	656.767.757.450	1.374.707.822.000	-	
TỔNG CỘNG	518.217.757.450	619.031.549.450	-	656.767.757.450	1.374.707.822.000	-	

(*) Giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh này tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, với giá trị là 16.550 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 32.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Khác	25.000.000	95.925.000.000
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20</i>)	11.706.311.266	19.575.865.122
TỔNG CỘNG	<u>11.731.311.266</u>	<u>115.500.865.122</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty CP Xây dựng Địa ốc 501.9 (*)	67.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TNI Holdings	-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>67.900.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất 11%/năm, đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2022.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tạm ứng	28.359.999	23.250.000
Phải thu lãi cho vay	3.585.188.658	542.326.941
Phải thu về hợp tác đầu tư	198.117.520.000	-
Phải thu khác	403.799.074	8.339.694
Phải thu khác các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20</i>)	108.057.850.396	-
TỔNG CỘNG	<u>310.192.718.127</u>	<u>573.916.635</u>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	-	-

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty con	309.316.445.805	(4.671.351.627)	304.645.094.178	300.888.945.805	-	300.888.945.805
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.500.000.000	-	34.500.000.000	34.500.000.000	-	34.500.000.000
TỔNG CỘNG	343.816.445.805	(4.671.351.627)	339.145.094.178	335.388.945.805	-	335.388.945.805

Đơn vị tính: VND

9.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)
Công ty Cổ phần TNTECH	209.300.000.000	(3.501.695.912)	205.798.304.088	209.300.000.000	-	209.300.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	30.345.000.000	-	30.345.000.000	30.345.000.000	-	30.345.000.000
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	29.700.000.000	-	29.700.000.000	29.700.000.000	-	29.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	35.421.445.805	-	35.421.445.805	26.993.945.805	-	26.993.945.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn Đầu thầu, Thẩm định giá	2.550.000.000	(1.112.053.698)	1.437.946.302	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	2.000.000.000	(57.602.017)	1.942.397.983	2.000.000.000	-	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	309.316.445.805	(4.671.351.627)	304.645.094.178	300.888.945.805	-	300.888.945.805

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Phần vốn đầu tư/cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại các công ty này.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần TNTECH	99,51%	99,51%	99,51%	99,51%
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Quản trị nguồn nhân lực TNTalent	99%	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99,62%	99,62%	99,52%	99,52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn Đầu thầu, Thẩm định giá Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	51%	51%	51%	51%
	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Đơn vị tính: VND
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX (i)	3.450.000	34.500.000.000	-	3.450.000	34.500.000.000	-	34.500.000.000
TỔNG CỘNG		34.500.000.000	-		34.500.000.000	-	34.500.000.000

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109602813 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 4 năm 2021 và có trụ sở chính tại Tầng 7, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Công ty này có hoạt động chính trong kỳ là lắp trình máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty này như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX	15,00%	15,00%	15,00%	15,00%

Do chưa có đủ thông tin cần thiết, Công ty chưa xác định được phần giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2022.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2022
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	161.305.684	761.712.666	(727.538.465)	195.479.885
Thuế thu nhập cá nhân	257.297.919	1.442.515.170	(1.431.141.323)	268.671.766
TỔNG CỘNG	418.603.603	2.204.227.836	(2.158.679.788)	464.151.651

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Lãi vay phải trả	2.164.430.856	21.786.208.219
Các khoản phải trả khác	-	110.000.000
TỔNG CỘNG	2.164.430.856	21.896.208.219

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ tức phải trả	3.945.709.275	2.040.316.900
Các khoản phải trả khác	173.531.842	203.369.683
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	75.413.837.270	57.965.553.936
TỔNG CỘNG	79.533.081.484	60.209.240.519

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2022	
	Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn						
Vay đối tượng khác	299.300.000.000		-	(299.300.000.000)	-	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	191.500.000.000		-	(191.500.000.000)	-	-
	490.800.000.000		-	(490.800.000.000)		
Vay dài hạn						
Trái phiếu doanh nghiệp (i)	-	490.800.000.000		-	-	490.800.000.000
	-	490.800.000.000		-	-	490.800.000.000
TỔNG CỘNG	490.800.000.000	490.800.000.000	490.800.000.000	(490.800.000.000)	490.800.000.000	490.800.000.000

(i) Khoản trái phiếu này có kỳ hạn 36 tháng, khoản cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi định kỳ được trả 6 tháng/lần với lãi suất 10%/năm cho năm đầu tiên và sau đó lãi suất tham chiếu + 3%/năm với lãi được trả hàng năm. Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	214.059.840.000	167.479.090.909	1.011.231.252	382.550.162.161
Tăng vốn trong kỳ	19.298.250.000	35.451.762.500	-	54.750.012.500
Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	105.009.280.000		(105.009.280.000)	
Chi trả cổ tức bằng tiền			(11.667.904.500)	(11.667.904.500)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	149.333.909.603	149.333.909.603
Tăng khác		21.500.000		21.500.000
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	233.358.090.000	202.952.353.409	33.667.956.355	574.987.679.764
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	345.507.370.000	225.568.103.409	20.278.289.855	591.353.763.264
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	116.694.896.543	116.694.896.543
Chia cổ tức (*)	86.373.500.000	-	(103.648.868.500)	(17.275.368.500)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2022	431.880.870.000	225.568.103.409	33.324.317.898	690.773.291.307

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TNS ngày 26 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ chi trả cổ tức là 5% có giá trị 17.275.368.500 VND.

(**) Ngày 20 tháng 7 năm 2022, Công ty đã được chấp thuận của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc phát hành 8.637.350 cổ phiếu để chi trả khoản cổ tức nêu trên và ghi nhận tăng vốn cổ phần.

14.2 Vốn cổ phần đã góp

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	254.562.000.000	59%	203.649.600.000	59%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	50.488.130.000	12%	40.390.510.000	12%
Các cổ đông khác	126.830.740.000	29%	101.467.260.000	29%
TỔNG CỘNG	431.880.870.000	100%	345.507.370.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	345.507.370.000	214.059.840.000
Tăng vốn trong kỳ	86.373.500.000	124.307.530.000
Số cuối kỳ	<u>431.880.870.000</u>	<u>338.367.370.000</u>
Cổ tức đã công bố	-	-

14.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ phiếu đăng ký phát hành	43.188.087	34.550.737
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	43.188.087	34.550.737
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	43.188.087	34.550.737
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

15. DOANH THU

15.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND			
	Quý 03 năm 2022	Quý 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Tổng doanh thu	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.548.345.167
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.548.345.167
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần	<u>2.300.219.204</u>	<u>2.399.401.295</u>	<u>7.507.034.119</u>	<u>7.548.345.167</u>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 20)	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.548.345.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

15.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Quý 03 năm 2022	Quý 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Cổ tức được chia	-	13.400.000.000	120.219.538.268	135.697.400.000
Lãi đầu tư chứng khoán	40.707.000.000	-	-	22.866.570.326
Lãi tiền gửi, cho vay	2.667.270.253	4.286.996	873.168.361	597.656.027
TỔNG CỘNG	43.374.270.253	13.404.286.996	121.092.706.629	159.161.626.353

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Quý 03 năm 2022	Quý 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Giá vốn của dịch vụ quản lý đã cung cấp	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.458.345.167
TỔNG CỘNG	2.300.219.204	2.399.401.295	7.507.034.119	7.458.345.167

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Quý 03 năm 2022	Quý 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Chi phí lãi vay, trái phiếu	12.335.915.999	8.030.361.644	38.691.203.671	8.109.582.191
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	4.671.351.627	-
Chi phí phát hành trái phiếu	249.858.157	-	542.900.000	-
khác	-	-	290.348.515	-
TỔNG CỘNG	12.685.774.156	8.030.361.644	44.195.803.813	8.109.582.191

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Quý 03 năm 2022	Quý 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Chi phí nhân công	149.276.603	157.726.737	2.231.239.617	1.137.632.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.075.632	(398.546)	776.075.632	(398.546)
Chi phí khác	37.847.071	-	573.361.871	869.977
TỔNG CỘNG	963.199.306	157.328.191	3.580.677.120	1.138.103.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	580.031.101
TỔNG CỘNG	-	580.031.101

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của giai đoạn hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên
Bà Tạ Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	Công ty mẹ cấp 1
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	Công ty con
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và nền tảng tài chính Kỹ thuật số TNEX	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng TNCONS Việt Nam	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và cho thuê tài sản TNL	Cùng người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Sông Hồng	Cùng người đại diện pháp luật
Công ty TNHH Đầu tư Sao Hỏa	Cùng người đại diện pháp luật
Hợp tác xã Thương mại dịch vụ, du lịch Papa garden & house	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Trường Tiền	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Vận tải biển và thương mại Hằng Hải	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS VN Gateway	Bên liên quan khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Cổ tức được chia Cổ tức nhận được Góp vốn Cung cấp dịch vụ	120.219.538.268 86.012.879.730 8.427.500.000 5.836.511.552	133.190.000.000 - 22.000.000.000 5.236.561.864
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cổ tức được chia Cổ tức nhận được Góp vốn Cung cấp dịch vụ	- - - 1.291.841.614	- 2.507.400.000 2.000.000.000 1.419.339.579
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	378.680.983	454.046.230
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	348.397.494
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Góp vốn	-	31.100.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Trong kỳ, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ quản lý với các công ty con với mức phí được xác định theo chính sách tính phí hàng quý.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2022 không cần bảo đảm, không tính lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Trong giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2021: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên có liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ Phải thu từ vốn chuyển nhượng	8.554.555.540	7.652.399.521 8.427.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	2.022.446.644	2.162.694.405
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	1.082.448.778	1.333.271.196
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	56.860.304	-
TỔNG CỘNG			11.706.311.266	19.575.865.122
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu khác Phải thu về quản lý vốn tập trung Phải thu tiền chia cổ tức	27.719.074.717	- - 34.211.664.888
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	Công ty con	Phải thu về quản lý vốn tập trung Phải thu khác	32.759.639.611	- 57.223.084
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	Công ty con	Phải thu về quản lý vốn tập trung Phải thu khác	2.505.127.826	- 813.089
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Phải thu về quản lý vốn tập trung	10.804.307.181	-
TỔNG CỘNG			108.057.850.396	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên có liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung Phải trả khác	17.276.621.092 6.250.144	189.644.875
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung Phải trả khác	13.679.855.625 8.454.838	8.627.417.482
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung	14.547.907.778	5.109.861.916
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Phải trả khác	573.351	475.038.941
Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch	Phải trả khác	13.050.000	4.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung	-	41.751.344.108
Công ty TNHH MTV TNS Trading	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung	-	1.807.896.614
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung	16.981.124.442	-
Công Ty Cổ Phần Quản Trị Nguồn Nhân Lực Tntalent	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung	8.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Vận Hành Khu Công Nghiệp IMC	Công ty con	Phải trả về quản lý vốn tập trung	4.900.000.000	-
TỔNG CỘNG			75.413.837.270	57.965.553.936
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	Công ty có chung quản lý chủ chốt	Phải trả về đi chung vay	-	191.500.000.000
TỔNG CỘNG			-	191.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

Trái phiếu

Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh (*)	Cùng thành viên HĐQT	Phải trả về phát hành trái phiếu	61.800.000.000	-
TỔNG CỘNG			61.800.000.000	-

(*) Chốt danh sách trái chủ theo thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) tại ngày 07/09/2022.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức danh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	415.800.000	138.461.535
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	46.153.845	
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên HĐQT	138.461.535	
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	138.461.535	138.461.535
Bà Nguyễn Thị Yển	Thành viên HĐQT	122.857.140	119.999.997
Ông Preben Hjortlund	Thành viên HĐQT đến ngày 7 tháng 9 năm 2022.	-	536.200.000
TỔNG CỘNG		861.734.055	993.123.067

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Lương, thưởng, thù lao và các phúc lợi khác	1.501.516.568	1.452.000.000
TỔNG CỘNG	1.501.516.568	1.452.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Đặng Hữu Danh Tài
Người lập biểu



Phùng Thành Phương
Kế toán trưởng



Ta Thi Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

